

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỊ XÃ H Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29-8-2019

V/v : Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Xuân Huế.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Châu Đình Ngữ.

+ Ông Nguyễn Văn Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã H tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Hải Bình- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại hội trường Tòa án nhân dân thị xã H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Nữ Huyền T, sinh năm 1996.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 77, đường Sóng Hồng, tổ 04, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chỗ ở hiện nay: Số 03 đường Ngô Thị Sĩ, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số 77 đường Sóng Hồng, tổ 04, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/3/2019 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Nữ Huyền T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Nữ Huyền T và anh Lê Văn D có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau khoảng 04 năm thì được sự đồng ý của hai bên gia đình đã tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau đó chị Nguyễn Nữ Huyền T và anh Lê Văn D tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày 21/7/2016 tại Ủy ban nhân dân phường P,

thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Quá trình chung sống đến khoảng tháng 11 năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D thường xuyên tụ tập bạn bè để ăn nhậu, chơi game, đánh bida; không chịu khó làm ăn nên vợ chồng hay cãi vã nhau. Từ tháng 11 năm 2018 đến nay, chị T và anh D sống ly thân, không ai còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay tình nghĩa vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Nữ Huyền T đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lê Văn D

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 01 người con chung tên Lê Trọng P, sinh ngày 31/3/2017. Trong thời gian sống ly thân chị Nguyễn Nữ Huyền T đi làm ăn xa, không có thời gian để chăm sóc con nên đã giao con cho anh Lê Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay con đang sống ổn định nên chị T yêu cầu giao con cho anh D nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị T cấp dưỡng nuôi con một tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Nữ Huyền T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ về tài sản: Vợ chồng không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Lê Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D trình bày về việc quen biết, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không có phát sinh mâu thuẫn gì nhưng sau một thời gian thì anh D phát hiện chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh D đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả nên vợ chồng sống ly thân. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh D cũng đồng ý ly hôn.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 01 người con tên Lê Trọng P, sinh ngày 31/3/2017. Trong thời gian sống ly thân chị T giao cháu P cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D đồng ý yêu cầu nuôi dưỡng cháu P đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Anh Lê Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt trong một số phiên họp, phiên hòa giải là vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Nữ Huyền T được ly hôn với anh Lê Văn D; giao cháu Lê Trọng P cho anh Lê Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; chị Nguyễn Nữ Huyền T cấp dưỡng nuôi con 1 tháng 1.000.000 đồng

cho đến khi cháu Lê Trọng P trưởng thành; buộc chị Nguyễn Nữ Huyền T phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay anh Lê Văn D có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Lê Văn D.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Lời trình bày của chị Nguyễn Nữ Huyền T và anh Lê Văn D về quá trình tìm hiểu nhau, thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và quá trình sống chung là thống nhất với nhau, phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/7/2016 do Ủy ban nhân dân phường P cấp nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Nữ Huyền T và anh Lê Văn D là hợp pháp.

Qua lời khai của các đương sự và quá trình xác minh tại địa phương có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh D xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó mâu thuẫn về vấn đề kinh tế gia đình và vợ chồng không tin tưởng nhau trong cuộc sống làm cho đời sống chung của vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, không thể sống chung được nữa. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh D có 01 người con chung tên Lê Trọng P, sinh ngày 31/3/2017. Chị T yêu cầu giao cháu Lê Trọng P cho anh Lê Văn D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, cháu P chưa đủ 36 tháng tuổi nhưng do chị T không có đủ điều kiện nuôi con nên đã giao con cho anh D nuôi là tự nguyện, nhằm đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu P. Anh D cũng đồng ý nuôi con và hiện tại cháu P đang sống với anh D nên cần giao cháu P cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Mặc dù, anh Lê Văn D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nhưng theo quy định tại Điều 107, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình thì cấp dưỡng là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, để đảm bảo quyền lợi của cháu Lê Trọng P nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Nữ Huyền T cấp dưỡng nuôi con một tháng 1.000.000 đồng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Lê Trọng P trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Nữ Huyền T và anh Lê Văn D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Nghĩa vụ về tài sản chung: Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Nữ Huyền T phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Nữ Huyền T.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Nữ Huyền T được ly hôn với anh Lê Văn D.

+ Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Lê Trọng P, sinh ngày 31/3/2017 cho anh Lê Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Nữ Huyền T cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Lê Trọng P trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Hiện nay cháu Lê Trọng P đang sống với anh Lê Văn D.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Nữ Huyền T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh Lê Văn D có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, chị Nguyễn Nữ Huyền T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

+ Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Nữ Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/005276 ngày 22/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị Nguyễn Nữ Huyền T còn nộp thêm số tiền 300.000 đồng.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TX. H;
- THADS TX. H;
- UBND phường P, TX H
- Các đương sự.
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Xuân Huế

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa.

Châu Đình Ngữ Nguyễn Văn Phương

Phan Thị Xuân Huế